

UBND TỈNH KON TUM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 718/SGDĐT-QLCLGDCN
V/v hướng dẫn công tác tuyển sinh
năm học 2024-2025 đối với các trường
THPT, Phổ thông DTNT, Trung tâm
GDTX tỉnh Kon Tum và Trung tâm
GDNN-GDTX các huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 14 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Các trường trung học phổ thông;
- Các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Phân hiệu Trường PTDTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai;
- Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum;
- Trường THCS-THSP Lý Tự Trọng;
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Kon Tum;
- Các trung tâm GDNN - GDTX;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BGDĐT ngày 23/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum (gọi tắt là Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT ngày 02/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch tuyển sinh các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2024 - 2025 (gọi tắt là Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT);

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác tuyển sinh vào các trường trung học phổ thông (THPT), phổ thông dân tộc nội trú (DTNT), THCS-THPT Liên Việt Kon Tum, Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum và các Trung tâm GDNN-GDTX năm

học 2024-2025 gồm các nội dung sau:

I. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 TRƯỜNG THCS-THPT LIÊN VIỆT KON TUM, TRƯỜNG THPT NGÔ MÂY: Có văn bản hướng dẫn riêng.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 8, 9 CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT HUYỆN (diện hưởng chế độ nội trú)

1. Đối tượng tuyển sinh

1.1. Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

a. Xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn);

b. Xã, phường, thị trấn khu vực II và khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền¹.

1.2. Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

1.3. Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn (không quá 10% trong tổng chỉ tiêu).

2. Địa bàn tuyển sinh: Học sinh đăng ký thường trú ở huyện nơi trường đóng chân.

3. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

- Đối tượng tuyển thẳng: Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người.
- Chế độ ưu tiên: Theo Phụ lục 2 gửi kèm.

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Điểm xét tuyển là tổng số điểm của:
 - + Điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập của các lớp học cấp THCS trước lớp xét tuyển (theo quy định tại mục 2 Phụ lục 3 gửi kèm);
 - + Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên.
- Nguyên tắc xét tuyển: Căn cứ điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều học sinh có

¹ Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; các quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh theo Phụ lục 1 đính kèm.

điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn học sinh có điểm trung bình các môn học cuối năm học của lớp 8 cao hơn (đối với tuyển sinh lớp 9), điểm trung bình các môn học cuối năm học của lớp 7 cao hơn, điểm trung bình các môn học cuối năm học của lớp 6 cao hơn. Những học sinh tham gia xét tuyển sinh nếu không trúng tuyển vào trường Phổ thông DTNT thì vẫn học tại trường THCS trước khi học sinh đăng ký xét tuyển.

5. Điều kiện và hồ sơ dự tuyển

- *Điều kiện dự tuyển*

- + Thuộc đối tượng tuyển sinh;
- + Trong độ tuổi quy định;
- + Đã hoàn thành chương trình lớp 7 (đối với tuyển sinh lớp 8), hoàn thành chương trình lớp 8 (đối với tuyển sinh lớp 9).

- *Hồ sơ dự tuyển*

- + Đơn xin dự tuyển (Mẫu do đơn vị phát hành);
- + Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- + Thông tin cư trú của thí sinh và cha (hoặc mẹ hoặc người giám hộ) tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
- + Giấy cam kết về thời gian thường trú (theo mẫu tại Phụ lục 4 gửi kèm);
- + Học bạ cấp trung học cơ sở (bản chính);
- + Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

6. Thời gian tuyển sinh: Hoàn thành trước ngày 31/7/2024.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CÁC TRƯỜNG THPT, PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

1. Đối tượng tuyển sinh

1.1. Tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh, các trường Phổ thông DTNT huyện và Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai (*diện hưởng chế độ nội trú*): Thực hiện theo **mục 1 phần II** nêu trên.

1.2. Tuyển sinh vào các trường THPT, Phổ thông DTNT các huyện và Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai (*diện không hưởng chế độ nội trú*):

- Đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: Học sinh trong độ tuổi quy định, tốt nghiệp THCS từ loại Khá trở lên, xếp loại học lực và hạnh kiểm các lớp cấp THCS từ loại Khá trở lên;

- Đối với các trường còn lại: Học sinh trong độ tuổi quy định, tốt nghiệp THCS chương trình GDPT hoặc chương trình GDTX.

2. Địa bàn tuyển sinh

2.1. Trường Phổ thông DTNT tỉnh: Học sinh đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2.2. Diện hưởng chế độ nội trú của các trường Phổ thông DTNT huyện và Phân hiệu Trường Phổ thông DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai (sau đây gọi tắt là trường Phổ thông DTNT huyện): Học sinh đăng ký thường trú ở huyện nơi trường đóng chân. Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh vào các trường Phổ thông DTNT, thường trú tại địa bàn huyện Ngọc Hồi có thể đăng ký dự tuyển vào Trường Phổ thông DTNT huyện Đăk Tô hoặc Trường Phổ thông DTNT huyện Đăk Glei.

2.3. Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành, Trường THCS - THPT Liên Việt Kon Tum: Học sinh thường trú tại tỉnh Kon Tum hoặc các tỉnh khác (có đăng ký tạm trú tại tỉnh Kon Tum).

2.4. Các trường THPT còn lại, diện không hưởng chế độ nội trú của các trường Phổ thông DTNT huyện

Thực hiện theo mục 3 Phụ lục 3 gửi kèm.

3. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

3.1. Đối tượng tuyển thẳng (không áp dụng đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành)

- Tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh, các trường Phổ thông DTNT huyện (diện hưởng chế độ nội trú):

+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;

+ Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật;

- Tuyển sinh vào các trường THPT, Phổ thông DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú):

+ Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;

+ Học sinh là người dân tộc rất ít người;

+ Học sinh khuyết tật;

+ Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

3.2. Chế độ ưu tiên (không áp dụng đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành): Thực hiện theo Phụ lục 2 gửi kèm.

4. Phương thức tuyển sinh

4.1. Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: Thi tuyển.

4.1.1. Môn thi: Môn chung (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và môn chuyên.

4.1.2. Quy định về hình thức, nội dung, thời gian làm bài thi:

4.1.2.1. Đối với các môn chung: Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh.

- Hình thức thi:

+ Môn Toán và Ngữ văn: Thi theo hình thức tự luận;

+ Môn Tiếng Anh: Kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan và hình thức tự luận, đánh giá kỹ năng đọc hiểu, viết. Học sinh làm bài trực tiếp trên đề thi.

- Nội dung thi: Trong chương trình THCS do Bộ GDĐT ban hành, chủ yếu ở lớp 9. Môn Tiếng Anh là phần chung giữa chương trình Tiếng Anh 7 năm và Tiếng Anh 10 năm, gồm các phần: Viết, Đọc hiểu và Kiến thức ngôn ngữ.

- Thời gian làm bài thi: Toán và Ngữ văn: 120 phút; Tiếng Anh: 60 phút.

4.1.2.2. Đối với các môn chuyên:

- Hình thức thi:

+ Môn Tiếng Anh: Áp dụng kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan và hình thức tự luận để đánh giá 03 kỹ năng: Nghe, Đọc hiểu và Viết;

+ Môn Tin học: Thi lập trình trên máy tính;

+ Các môn còn lại: Áp dụng hình thức tự luận.

- Nội dung thi: Thuộc phạm vi chương trình THCS do Bộ GDĐT ban hành và những kiến thức cơ bản của lớp dưới.

- Thời gian thi: 150 phút.

4.1.3. Điểm bài thi: Là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, điểm bài thi theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

4.1.4. Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = [(Điểm môn Toán + Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn Tiếng Anh) + Điểm môn chuyên x 2].

4.2. Các trường còn lại: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển. Cụ thể như sau:

4.2.1. Xét tuyển: Căn cứ vào kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở cấp THCS, quy đổi thành Điểm rèn luyện, học tập. Việc quy đổi điểm thực hiện theo quy định tại mục 1 Phụ lục 3.

4.2.2. Thi tuyển:

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và tiếng Anh.

- Quy định về hình thức, nội dung, thời gian làm bài thi: Thực hiện theo mục 4.1.2.1 phần III nêu trên.

- Điểm bài thi: Theo quy định tại mục 4.1.3 phần III nêu trên.

4.2.3. Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = [(Điểm môn Toán + Điểm môn Ngữ văn) x 2 + Điểm môn Tiếng Anh] + Điểm rèn luyện, học tập + Điểm ưu tiên (nếu có).

5. Hồ sơ dự tuyển

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu tại Phụ lục 3 gửi kèm);

+ Minh chứng về chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

+ 01 ảnh màu, cỡ 4x6cm, chụp theo kiểu Thẻ căn cước công dân (CCCD), trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng. Ảnh của thí sinh (có thể quét ảnh thí

sinh đã nộp hoặc nhập từ file ảnh hoặc chụp ảnh trực tiếp) phải được nhập ngay khi nhập Đơn xin dự tuyển. Ảnh của thí sinh đưa vào hệ thống có độ phân giải là 400x600 pixels và phải được gắn đúng với thí sinh;

+ Đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước, phải có giấy xác nhận không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật do UBND xã, phường, thị trấn cấp;

+ Đối với những thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh hoặc các trường Phổ thông DTNT huyện (diện hưởng chế độ nội trú): Bổ sung Giấy cam kết về thời gian thường trú (theo mẫu tại Phụ lục 4 gửi kèm).

6. Đăng ký dự tuyển và thời gian tuyển sinh

6.1. Đăng ký dự tuyển:

Học sinh học lớp 9 năm học 2023-2024 tại các trường có cấp học THCS trên địa bàn tỉnh đăng ký dự tuyển trực tuyến hoặc trực tiếp tại trường đang học; thí sinh tốt nghiệp THCS tại các trường THCS ngoài tỉnh đăng ký dự tuyển trực tiếp tại các trường dự tuyển; thí sinh tự do tốt nghiệp THCS các năm học trước đăng ký dự tuyển trực tiếp tại trường đã tốt nghiệp THCS.

Các nguyện vọng đăng ký được thực hiện như sau:

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành được đăng ký xét tuyển vào tối đa 02 nguyện vọng vào các lớp chuyên (xếp thứ tự ưu tiên nguyện vọng 1.1, nguyện vọng 1.2). Thí sinh dự tuyển vào lớp chuyên nào phải dự thi bài thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên đó, đối với thí sinh dự tuyển vào lớp chuyên Tin học có thể thi môn chuyên Toán (chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT). Thí sinh không trúng tuyển vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành được sử dụng kết quả thi các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh để xét tuyển tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT tỉnh (theo thứ tự ưu tiên là 2.1, 2.2, 2.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT huyện theo địa bàn tuyển sinh (diện hưởng chế độ nội trú) (theo thứ tự ưu tiên là 3.1, 3.2, 3.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum (theo thứ tự ưu tiên là 4.1, 4.2, 4.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú) và các trường THPT còn lại theo địa bàn tuyển sinh (theo thứ tự ưu tiên là 5.1, 5.2, 5.3).

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển vào 03 nhóm môn lựa chọn của Trường (2.1, 2.2 và 2.3). Ngoài ra, thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT huyện theo địa bàn tuyển sinh (diện hưởng chế độ nội trú) (theo thứ tự ưu tiên là 3.1, 3.2, 3.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum (theo thứ tự ưu tiên là 4.1, 4.2, 4.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú) và các trường THPT còn lại theo địa bàn tuyển sinh (theo thứ tự ưu tiên là 5.1, 5.2, 5.3).

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào trường Phổ thông DTNT huyện (diện hưởng chế độ nội trú) được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển vào các nhóm môn lựa chọn của Trường (theo thứ tự ưu tiên là 3.1, 3.2, 3.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum (theo thứ tự ưu tiên là 4.1, 4.2, 4.3); tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú) và các THPT còn lại theo địa bàn tuyển sinh (theo thứ tự ưu tiên là 5.1, 5.2, 5.3).

- Thí sinh đăng ký dự thi tuyển vào Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển vào các nhóm môn lựa chọn của Trường (theo thứ tự ưu tiên là 4.1, 4.2, 4.3) và tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm môn lựa chọn của trường PT DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú) và các trường THPT còn lại theo địa bàn tuyển sinh (theo thứ tự ưu tiên là 5.1, 5.2, 5.3).

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các trường THPT còn lại, trường Phổ thông DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú) được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển vào các nhóm môn lựa chọn của cùng một trường hoặc các trường khác (trừ Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum) thuộc địa bàn tuyển sinh (theo thứ tự ưu tiên là 5.1, 5.2, 5.3).

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT tỉnh, Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành, Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum: Thí sinh đăng ký xét tuyển sinh vào trường nào phải dự thi tại trường đó.

- Đối với các thí sinh còn lại: Thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 vào trường nào phải dự thi tại trường đó.

6.2. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 10/5/2024 đến ngày 23/5/2024.

6.3. Thời gian thi tuyển: Ngày 02-04/6/2024. Trong đó:

- Lịch thi chung cho các trường:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
01/6/2024	Chiều	Phổ biến Quy chế thi và Lịch thi cho thí sinh (bắt đầu từ 14 giờ 00)			
02/6/2024	Sáng	Ngữ văn	120 phút	07 giờ 55	08 giờ 00
	Chiều	Tiếng Anh	60 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
03/6/2024	Sáng	Toán	120 phút	07 giờ 55	08 giờ 00

- Riêng thí sinh dự tuyển vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành phải dự thi thêm các môn chuyên, theo lịch sau:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
03/6/2024	Chiều	Các môn chuyên: Tin học, Vật lí, Lịch sử, Địa lí, Sinh học	150 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
04/6/2024	Sáng	Các môn chuyên: Toán, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh	150 phút	07 giờ 55	08 giờ 00

6.4. Xét tuyển sinh bổ sung (không áp dụng đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum): Các trường chưa tuyển đủ chỉ tiêu trong đợt xét trước được xét tuyển bổ sung.

- Thời gian xét tuyển: Ngày 10/7/2024;
- Hạn nộp đơn xét tuyển nguyện vọng bổ sung: Ngày 09/7/2024;
- Địa điểm: Tại trường xét tuyển.

6.5. Duyệt kết quả tuyển sinh: Chậm nhất ngày 31/7/2024.

7. Quy định về xét tuyển

7.1. Quy định chung

- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh có hồ sơ xét tuyển hợp lệ, tham gia thi tuyển, thi đủ các bài thi quy định, không bị kỷ luật hủy kết quả thi, không có bài thi bị điểm 0 (riêng đối với trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành: Điểm thi môn chung đạt từ 2,0 điểm trở lên, điểm thi môn chuyên đạt từ 3,5 điểm trở lên).

- Chậm nhất 01 ngày sau khi có kết quả thi tuyển, thí sinh thi tuyển vào trường chuyên Nguyễn Tất Thành được thay đổi một lần thứ tự các nguyện vọng xét tuyển vào lớp chuyên; chậm nhất 02 ngày sau khi có kết quả xét tuyển vào trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành, các thí sinh còn lại (bao gồm thí sinh dự tuyển nhưng không trúng tuyển vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và thí sinh dự tuyển vào các trường còn lại) thay đổi các nguyện vọng xét tuyển sinh vào các trường còn lại.

7.2. Đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành

- Xét chọn học sinh trúng tuyển: Điểm xét tuyển theo từng lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng vẫn còn nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét đến các chỉ số phụ theo thứ tự ưu tiên: Điểm thi môn chuyên cao hơn; giải học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 ứng với môn chuyên cao hơn; điểm trung bình môn của môn chuyên năm học lớp 9 cao hơn; điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn. Nếu xét đến chỉ số phụ cuối cùng mà chưa xác định được học sinh trúng tuyển thì Trường báo cáo Sở GDĐT xem xét, quyết định.

- Các nội dung khác: Thực hiện theo Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT (Mục 3,

Phụ lục 2).

7.3. Đối với các trường còn lại

- Thí sinh được xét tuyển lần lượt vào:
- Trường Phổ thông DTNT tỉnh;
- Các trường PT DTNT huyện (diện hưởng chế độ nội trú);
- Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum;
- Các trường PT DTNT huyện (diện không hưởng chế độ nội trú) và các trường THPT còn lại.

- Thí sinh được xét trúng tuyển vào nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất có thể. Đối với từng nhóm môn lựa chọn, căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Trường hợp thí sinh đăng ký xét tuyển các nguyện vọng thuộc các nhóm môn ở cùng một trường: Điểm xét tuyển bằng nhau cho các nguyện vọng.

- Trường hợp thí sinh đăng ký xét tuyển các nguyện vọng khác nhau vào các trường khác nhau:

+ Điểm xét tuyển vào nguyện vọng 2 cao hơn nguyện vọng 1 ít nhất là 0,5 điểm, nhiều nhất là 1,0 điểm;

+ Điểm xét tuyển vào nguyện vọng 3 cao hơn nguyện vọng 2 ít nhất là 0,5 điểm, nhiều nhất là 1,0 điểm.

IV. TUYỂN SINH VÀO TRUNG TÂM GDTX TỈNH KON TUM VÀ TRUNG TÂM GDNN-GDTX CÁC HUYỆN

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở cấp THCS. Cách tính điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở cấp THCS được quy định tại Phụ lục 4 gửi kèm.

- Nguyên tắc xét tuyển: Căn cứ khả năng thực tế của đơn vị, căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

2. Điều kiện dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển

- Điều kiện dự tuyển: Người học đã tốt nghiệp THCS.

- Hồ sơ dự tuyển:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do Trung tâm phát hành);

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

+ Bằng tốt nghiệp THCS hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời;

+ Học bạ cấp THCS (bản chính);

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

+ Đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước, phải có giấy xác nhận không trong thời gian thi hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật do UBND xã, phường, thị trấn cấp.

3. Thời gian hoàn thành công tác tuyển sinh

Công tác tuyển sinh phải hoàn thành trước ngày 31/8/2024 (riêng đối với tuyển sinh học viên đang học tại các cơ sở dạy nghề đăng ký học chương trình GDTX cấp THPT: Hoàn thành trước ngày 15/9/2024).

V. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: Theo Phụ lục 5 gửi kèm.

VI. LỆ PHÍ TUYỂN SINH (đối với tuyển sinh vào lớp 10, theo hình thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp xét tuyển)

Thực hiện theo quy định hiện hành (Sở GDĐT sẽ hướng dẫn sau).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tài khoản khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến cho tất cả các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức dữ liệu tuyển sinh vào lớp 10 THPT; quyết định thành lập các Hội đồng: Tuyển sinh, Ra đề thi, Coi thi, Chấm thi và Phúc khảo bài thi của kỳ thi tuyển sinh; tổ chức thi, xét tuyển sinh các trường THPT và các trường Phổ thông DTNT; quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh.

- Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và hàng năm, đột xuất về công tác tuyển sinh với UBND tỉnh và Bộ GDĐT.

2. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện (thành phố), các trường trực thuộc Sở có cấp THCS

- Các trường trực thuộc Sở thực hiện; phòng GDĐT các huyện (thành phố) chỉ đạo các trường THCS trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

+ Bổ sung, cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân của học sinh đang học lớp 9 năm học 2023-2024, bao gồm các thông tin: họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, mã định danh cá nhân và nơi thường trú;

+ Bổ sung, cập nhật đầy đủ thông tin kết quả học tập, rèn luyện của các năm học lớp 6, 7, 8, 9 cho học sinh đang học lớp 9 năm học 2023-2024, bao gồm: điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của từng học kỳ và cả năm;

+ Hướng dẫn học sinh lớp 9 của đơn vị đăng ký dự tuyển trên Cơ sở dữ liệu ngành; kiểm tra hồ sơ dự thi, chịu trách nhiệm về tính chính xác hồ sơ dự tuyển của thí sinh; nhận hồ sơ dự tuyển của thí sinh tự do tốt nghiệp THCS tại trường những năm trước;

+ Sử dụng tài khoản khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cấp trong kiểm tra chính xác các thông tin có liên quan đến công tác tuyển sinh đối với thí sinh dự tuyển trong trường hợp cần thiết, đảm bảo chính xác và bảo mật thông tin của thí sinh theo quy định;

+ Chuyển dữ liệu về Sở GDĐT **trước 17 giờ 00 ngày 23/5/2024**, đảm bảo hồ sơ chính xác theo quy định.

+ **Lưu ý:**

* Đối với điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 6, 7, 8 và học kỳ 1 năm lớp 9: Hoàn thành **trước 17 giờ ngày 27/4/2024**.

* Đối với điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học kỳ 2 và cả năm lớp 9. Hoàn thành **trước 17 giờ ngày 20/5/2024**.

- Các phòng GDĐT hoàn thành công tác xét tốt nghiệp THCS **trước ngày 20/5/2024**.

3. Trách nhiệm của các trường THPT, Phổ thông DTNT, Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum

- Thực hiện nghiêm túc hướng dẫn tuyển sinh của Sở GDĐT; chủ động tổ chức tuyển sinh đúng theo Kế hoạch và hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Sở GDĐT đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công khai, chất lượng và tiết kiệm.

- Tổ chức thông tin truyền thông bằng nhiều hình thức để học sinh, cha mẹ học sinh hiểu rõ quy định về chương trình giáo dục phổ thông trong giai đoạn định hướng nghề nghiệp ở cấp THPT.

- Đề nghị Sở GDĐT thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường.

- Thành lập tổ tư vấn tuyển sinh nhằm hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho học sinh, cha mẹ học sinh trong việc lựa chọn tổ hợp môn học phù hợp với sở thích, năng lực nằm trong số các tổ hợp được trường xây dựng.

- Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum nhận hồ sơ của các thí sinh tự do không thường trú tại tỉnh Kon Tum.

- Trường Phổ thông DTNT tỉnh: Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, phối hợp với các phòng GDĐT huyện, thành phố, các trường Phổ thông DTNT huyện để tổ chức tuyển sinh. Trình UBND các huyện, thành phố sơ duyệt danh sách học sinh tham gia dự tuyển.

- Các trường Phổ thông DTNT huyện: Phổ biến cho học sinh đã tốt nghiệp THCS của Trường về quyền được dự tuyển vào lớp 10 Trường Phổ thông DTNT tỉnh; nếu học sinh có nguyện vọng dự tuyển thì phải hướng dẫn học sinh đăng kí dự thi theo quy định.

- Sau khi có kết quả thi tuyển:

+ Trình phương án tuyển sinh, điểm xét tuyển sinh cho từng nguyện vọng, từng nhóm môn trình Sở GDĐT quyết định.

+ Nộp danh sách học sinh trúng tuyển về Sở GDĐT (qua Phòng Quản lý chất lượng và Giáo dục chuyên nghiệp). Danh sách học sinh trúng tuyển được sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp.

+ Niêm yết công khai bảng thống kê tổng hợp kết quả về điểm tuyển sinh trước khi trình lãnh đạo Sở GDĐT duyệt kết quả trúng tuyển; quy định hồ sơ nhập học đối với các thí sinh trúng tuyển vào trường.

+ Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thêm các nội dung sau đây (không áp dụng đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành):

+ Quy định cụ thể mức chênh lệch điểm tuyển sinh giữa các nguyện vọng đối với tổ hợp môn học lựa chọn theo quy định tại Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT. Sớm công bố rộng rãi các tổ hợp môn học lựa chọn, số lớp/mỗi tổ hợp mà trường có thể đáp ứng để học sinh, cha mẹ học sinh hiểu rõ và quyết định đăng kí, lựa chọn.

+ Sau khi kết thúc thời gian thay đổi nguyện vọng của thí sinh, các trường phối hợp với Phòng QLCLGDCN - Sở GDĐT cập nhật thường xuyên điểm chuẩn xét tuyển dự kiến lên Hệ thống tuyển sinh, điều chỉnh điểm xét tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Các đơn vị phải bảo mật các thông tin về điểm chuẩn dự kiến.

4. Trách nhiệm của Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum, các Trung tâm GDNN-GDTX

- Kịp thời nắm bắt số liệu học sinh tốt nghiệp THCS trên địa bàn, có giải pháp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền các chế độ chính sách liên quan đến việc học nghề gắn với học giáo dục thường xuyên; đồng thời đa dạng hóa các hình thức học nghề cho các đối tượng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông đảm bảo chủ động triển khai việc phân luồng.

- Thực hiện nghiêm túc hướng dẫn tuyển sinh của Sở GDĐT; chủ động tổ chức tuyển sinh đúng theo Kế hoạch và hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Sở GDĐT, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công khai, chất lượng và tiết kiệm.

Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị, đề xuất, các đơn vị báo cáo về Sở GDĐT (qua Phòng Quản lý chất lượng và Giáo dục chuyên nghiệp) để được hướng dẫn, giải quyết hoặc xem xét điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Giám đốc Sở GDĐT (báo cáo);
- Các PGĐ Sở GDĐT (theo dõi);
- Các ĐVHC thuộc Sở GDĐT (thực hiện);
- Lưu: VT, QLCLGDCN_(Dùng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Thắng

Phụ lục 1
DANH SÁCH CÁC XÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

TT	Xã	Huyện	QĐ công nhận	ngày	Ghi chú
1	Chư Hreng	Tp. Kon Tum	417/QĐ-UBND	02/08/2021	
2	Tân Lập	Kon Rẫy	536/QĐ-UBND	07/10/2021	Nông thôn mới nâng cao
3	Đăk Kroong	Đăk Glei	695/QĐ-UBND	31/12/2021	
4	Đăk Hring	Đăk Hà	696/QĐ-UBND	31/12/2021	
5	Đăk Tăng	Kon Plông	694/QĐ-UBND	31/12/2021	
6	Ia Dom	Ia H'Drai	693/QĐ-UBND	31/12/2021	
7	Kroong	Tp. Kon Tum	692/QĐ-UBND	31/12/2021	
8	Sa Bình	Sa Thầy	691/QĐ-UBND	31/12/2021	
9	Hà Mòn	Đăk Hà	17/QĐ-UBND	13/01/2022	Nông thôn mới nâng cao
10	Đăk Mar	Đăk Hà	23/QĐ-UBND	14/01/2022	Nông thôn mới nâng cao
11	Sa Nhơn	Sa thầy	85/QĐ-UBND	22/02/2022	Nông thôn mới nâng cao
12	Đăk Tờ Re	Kon Rẫy	257/QĐ-UBND	07/04/2022	
13	Đăk Blà	Tp. Kon Tum	184/QĐ-UBND	12/04/2023	
14	Đăk Rơ Wa	Tp. Kon Tum	185/QĐ-UBND	12/04/2023	
15	Đăk Ui	Đăk Hà	186/QĐ-UBND	12/04/2023	
16	Ngọc Bay	Tp. Kon Tum	187/QĐ-UBND	12/04/2023	
17	Sa Loong	Ngọc Hồi	188/QĐ-UBND	12/04/2023	
18	Ngọc Wang	Đăk Hà	189/QĐ-UBND	12/04/2023	
19	Tân Lập	Kon Rẫy	461/QĐ-UBND	29/09/2023	Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022
20	Ia Dal	Ia H'Drai	46/QĐ-UBND	25/01/2024	
21	Ya ly	Sa Thầy	47/QĐ-UBND	25/01/2024	

Tổng cộng Danh sách có 21 xã./.

Phụ lục 2
CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

1. Cộng 1,5 điểm đối với một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người đó bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

2. Cộng 1,0 điểm đối với một trong các đối tượng:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người đó bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”;

3. Cộng 0,5 điểm đối với một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
 - Người dân tộc thiểu số;
 - Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
-

Phụ lục 3
QUY ĐỊNH
QUY ĐỔI ĐIỂM XÉT TUYỂN;
ĐỊA BÀN TUYỂN SINH (ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THPT, PHỔ
THÔNG DTNT DIỆN KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ NỘI TRÚ)

1. Quy đổi điểm dựa vào kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở THCS, theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển

Điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh trung học cơ sở được tính như sau (nếu ở lại lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó):

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 5 điểm;
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 4,5 điểm;
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 4 điểm;
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 3,5 điểm;
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 3 điểm;
- Các trường hợp còn lại: 2,5 điểm.

2. Quy đổi điểm dựa vào kết quả rèn luyện và học tập của các năm học ở THCS, theo phương thức xét tuyển

Điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh trung học cơ sở được tính như sau (nếu học sinh lưu ban ở lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó):

- Hạnh kiểm Tốt, học lực Giỏi: 10 điểm;
- Hạnh kiểm Khá, học lực Giỏi hoặc hạnh kiểm Tốt, học lực Khá: 9 điểm;
- Hạnh kiểm Khá, học lực Khá: 8 điểm;
- Hạnh kiểm Trung bình, học lực Giỏi hoặc hạnh kiểm Tốt, học lực Trung bình: 7 điểm;
- Hạnh kiểm Khá, học lực Trung bình hoặc hạnh kiểm Trung bình, học lực Khá: 6 điểm;
- Các trường hợp còn lại: 5 điểm.

3. Địa bàn tuyển sinh (không áp dụng đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum)

a. Đối với thí sinh thường trú hoặc học ít nhất 2 năm cấp THCS tại địa bàn tuyển sinh

- Học sinh thường trú hoặc học ít nhất 2 năm cấp THCS tại huyện/thành phố nào thì được đăng ký dự tuyển vào các trường THPT, PTDTNT và các phân hiệu trên địa bàn đó. Riêng Trường THPT Ngô Mây không tuyển sinh tại các phường: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo; các xã: Hòa Bình, Đoàn Kết, Ia chim, Đăk Rơ Wa thuộc thành phố Kon Tum.

- Đối với học sinh thuộc các xã/phường của các huyện thuộc địa bàn giáp ranh

với các huyện/thành phố khác thì được đăng ký dự tuyển vào trường THPT, PTDTNT, phân hiệu thuận lợi hơn. Cụ thể như sau:

TT	Địa bàn cư trú (đăng ký thường trú)		Trường THPT được đăng ký dự tuyển (ngoài địa bàn tuyển sinh)	
	Xã/phường	Huyện	Trường THPT	Huyện/TP
1	Đăk La	Đăk Hà	THPT Ngô Mây	Kon Tum
2	Sa Bình	Sa Thầy		
3	Đăk Tô Re	Kon Rẫy	THPT Trường Chinh	
4	Diên Bình	Đăk Tô	THPT Nguyễn Du	Đăk Hà
5	Đăk Tô Kan	Tu Mơ Rông	THPT Nguyễn Văn Cừ; PT DTNT Đăk Tô	Đăk Tô
6	Đăk Rơ Ông	Tu Mơ Rông		
7	Đăk Sao	Tu Mơ Rông		
8	Đăk Na	Tu Mơ Rông		
9	Tân Cảnh	Đăk Tô	THPT Nguyễn Trãi	Ngọc Hồi
10	Đăk Kroong	Đăk Gleï	THPT Phan Chu Trinh	Ngọc Hồi
11	Đăk Môn	Đăk Gleï		
12	Đăk Long	Đăk Gleï		
13	Đăk Ang	Ngọc Hồi	THPT Lương Thế Vinh	Đăk Gleï
14	Mô Rai	Sa Thầy	PH PTDTNT Tỉnh tại huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai

b. Các trường hợp khác: Các đối tượng không thuộc mục a, muốn dự tuyển vào trường nào phải được sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

PHỤ LỤC 4
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 HỆ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Trước khi khai Phiếu đăng ký dự tuyển (ĐKDT), thí sinh đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU. Đối với những điểm chưa rõ, thí sinh liên hệ cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn)

I. THÔNG TIN THÍ SINH

1. Họ và tên thí sinh (Viết chữ in hoa có dấu):
2. Ngày tháng năm sinh:/...../..... 3. Nơi sinh (Tỉnh hoặc thành phố):
4. Giới tính (Nam hoặc nữ): 5. Dân tộc:
6. Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--
7. Nơi thường trú: Số nhà: Đường: Tổ/Thôn:
Xã/Phường: Quận/Huyện: Tỉnh/TP:
8. Địa chỉ liên hệ:
9. Điện thoại liên hệ:
10. Tốt nghiệp THCS tại trường: Lớp Năm tốt nghiệp:
11. Đối tượng ưu tiên (Đối tượng 0; 1; 2 hoặc 3):
12. Kết quả học tập và rèn luyện cấp trung học cơ sở (THCS):

Lớp	6	7	8	9
Hạnh kiểm				
Học lực				

Điểm TB năm lớp 9

13. Họ tên cha:
14. Họ tên mẹ:

II. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TẮT THÀNH (nếu có)

- 15.1. Nguyên vọng 1.1: (Ghi rõ tên lớp chuyên):
- 15.2. Nguyên vọng 1.2: (Ghi rõ tên lớp chuyên):

III. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO TRƯỜNG PTDTNT, PHÂN HIỆU TRƯỜNG PTDTNT TỈNH TẠI HUYỆN IA H'DRAI DIỆN HƯỞNG CHẾ ĐỘ NỘI TRÚ (nếu có)

- 16.1. Đăng ký tại Trường PTDTNT Tỉnh:
- + Nhóm môn nguyện vọng 2.1: (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):
 - + Nhóm môn nguyện vọng 2.2: (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):
 - + Nhóm môn nguyện vọng 2.3: (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):
- 16.2. Đăng ký tại trường PTDTNT huyện hoặc Phân hiệu trường PTDTNT Tỉnh tại huyện Ia H'Drai trường hợp không trúng tuyển vào Trường PTDTNT Tỉnh:
- Tên trường:
- + Nhóm môn nguyện vọng 3.1: (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):
 - + Nhóm môn nguyện vọng 3.2: (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):
 - + Nhóm môn nguyện vọng 3.3: (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO TRƯỜNG THCS-THPT LIÊN VIỆT KON TUM (nếu có)

17.1. Nhóm môn nguyện vọng 4.1 (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

17.2. Nhóm môn nguyện vọng 4.2 (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

17.3. Nhóm môn nguyện vọng 4.3 (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

**V. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO TRƯỜNG THPT, PTDTNT HUYỆN, PHÂN HIỆU TRƯỜNG
PTDTNT TỈNH TẠI HUYỆN IA H'DRAI (DIỆN KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ NỘI TRÚ)**

18.1. Nguyện vọng 5.1 (ghi tên trường):

Nhóm môn (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

18.2. Nguyện vọng 5.2 (ghi tên trường):

Nhóm môn (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

18.3. Nguyện vọng 5.3 (ghi tên trường):

Nhóm môn (Ghi rõ mã và các môn trong nhóm):

Tôi cam đoan những thông tin trong
phiếu này là đúng sự thật. Nếu sau tôi
xin chịu xử lý theo các quy định hiện
hành.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHAMẸ/NGƯỜI GIÁM HỘ

(Ký và ghi rõ họ tên)

THÍ SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU

Thí sinh đăng ký ghi đầy đủ các thông tin trên phiếu.

Mục 1, 2 ghi theo hướng dẫn trên phiếu đăng ký (sau đây gọi tắt là PĐK).

Mục 3. Nơi sinh: Chỉ ghi tên tỉnh/thành phố.

Mục 4, 5 ghi theo hướng dẫn trên PĐK.

Mục 6. Số định danh cá nhân: Ghi rõ số định danh cá nhân gồm 12 số.

Mục 7. Nơi thường trú: Ghi rõ thông tin thường trú của thí sinh.

Mục 8, 9 ghi theo hướng dẫn trên PĐK.

Mục 10. ghi theo hướng dẫn trên PĐK, Mục Lớp: ghi tên lớp học năm lớp 9, thí sinh tự do ghi TDO

Mục 11. Đối tượng ưu tiên (Đối tượng: 0; 1; 2 hoặc 3):

Đối tượng 1: (Cộng 1,5 điểm): Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người đó bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Đối tượng 2: (Cộng 1,0): Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người đó bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”;

Đối tượng 3: (Cộng 0,5): Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số; Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Đối tượng 0: Không thuộc các đối tượng trên, không được cộng điểm.

Mục 12, 13, 14 ghi theo hướng dẫn trên PĐK.

Các Mục 15, 15.1, 15.2 dành cho các thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất thành, nếu không đăng ký thì bỏ trống các mục này. **Mục 15. Môn chuyên 1:** Tên môn chuyên thứ nhất. Nếu thí sinh đăng ký dự thi môn chuyên thứ 2 thì ghi vào mục **Môn chuyên 2**, nếu không thì bỏ trống. Thí sinh ghi rõ tên lớp chuyên thứ nhất đăng ký dự tuyển vào mục **Mục 15.1 Nguyện vọng 1.1**, nếu đăng ký dự tuyển vào lớp chuyên thứ 2 thì ghi vào **Mục 15.2 Nguyện vọng 1.2**. **Thí sinh lưu ý quy định trong trường hợp đăng ký môn chuyên 2 và nguyện vọng 2.**

Mục 16.1 dành cho thí sinh đăng ký dự thi vào trường PTTH DTNT tỉnh hoặc đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Nguyễn Tất thành nhưng có đăng ký dự tuyển vào Trường PTTH DTNT tỉnh (*nếu không đăng ký thì bỏ trống các mục này*).

Mục 16.2 dành cho thí sinh đăng ký dự thi tại trường PTDTNT huyện, Phân hiệu trường PTDTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai hoặc dự thi tại Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành, THCS-THPT Liên Việt Kon Tum, PTTH DTNT tỉnh nhưng có đăng ký dự tuyển vào diện nội trú trường PTDTNT huyện, Phân hiệu trường PTDTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai. Thí sinh ghi rõ **tên trường** và **nhóm môn**.

Các Mục 17.1, 17.2, 17.3 dành cho thí sinh đăng ký dự thi vào Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum, hoặc dự thi tại Trường THPT chuyên Nguyễn Tất thành nhưng có đăng ký dự tuyển vào Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum (*nếu không đăng ký thì bỏ trống các mục này*). **Mục 17.1, 17.2, 17.3 Nhóm môn:** Ghi rõ mã và các môn trong nhóm (Ví dụ: 1603 - Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Công nghệ, Tin học)

Các mục 18.1, 18.2, 18.3 dành cho thí sinh đăng ký dự thi vào trường THPT, PTDTNT huyện, Phân hiệu trường PTDTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai diện không có chế độ nội trú hoặc đăng ký dự thi tại Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành, THCS-THPT Liên Việt Kon Tum, PTDTNT tỉnh, PTDTNT huyện (diện nội trú), Phân hiệu trường PTDTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai (diện nội trú). Thí sinh ghi rõ mã và các môn trong nhóm, thứ tự ưu tiên xét tuyển: Nguyện vọng 5.1, Nguyện vọng 5.2, Nguyện vọng 5.3.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CAM KẾT VỀ THỜI GIAN THƯỜNG TRÚ
ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN TRONG XÉT TUYỂN SINH NĂM HỌC 2024-2025

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tôi tên: Dân tộc:.....

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp..... Nơi cấp:

Sinh ngày:.....tháng... năm..... Nơi sinh:.....

Con ông:..... và bà:.....

Địa chỉ nơi thường trú:

Học sinh trường:.....

Tôi đã thường trú tại địa chỉ sau:

TT	Địa chỉ (xã ¹ ; Huyện; Tỉnh	Từ ngày/tháng/năm	Đến ngày/tháng/năm
1			
2			

Tôi xin cam kết thông tin mà tôi đã khai ở trên là đúng sự thật và xin bổ sung vào hồ sơ để được hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh năm học 2024 - 2025.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về cam kết của mình.

Trân trọng cảm ơn!

Xác nhận của cha, mẹ, người giám hộ

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tôi tên:.....

Là cha, mẹ, người giám hộ của:.....

số định danh

Cam kết các nội dung trên là đúng sự thật.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về cam kết của mình.

....., ngàytháng.....năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Chỉ liệt kê địa chỉ mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển để được hưởng ưu tiên theo quy định.

Phụ lục 5

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 THEO NHÓM MÔN LỰA CHỌN, THEO MÔN CHUYÊN NĂM HỌC 2024-2025

TT	Tên trường	Mã nhóm môn (môn chuyên)	Các môn lựa chọn (môn chuyên)	Chỉ tiêu	Trong đó	
					Hưởng chế độ nội trú	Không hưởng chế độ nội trú
1	THPT Kon Tum	0101	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học (03 Chuyên đề: Toán, Vật lí, Hóa học)	160	0	160
		0102	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học (03 chuyên đề: Toán, Hóa học, Sinh học)	80	0	80
		0103	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ: Định hướng nông nghiệp	40	0	40
		0104	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ: Định hướng công nghiệp	40	0	40
		0105	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Tin học, Công nghệ: Định hướng công nghiệp	120	0	120
		0106	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Tin học, Công nghệ: Định hướng nông nghiệp	40	0	40
2	THPT Lê Lợi	0201	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ: Định hướng công nghiệp	80	0	80
		0202	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ: Định hướng nông nghiệp	80	0	80
		0203	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Hóa học, Tin học	80	0	80
		0204	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Vật lí, Tin học	80	0	80
3	THPT Phan Bội Châu	0301	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	40	0	40
		0302	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Tin học, Công nghệ (Định hướng nông nghiệp).	80	0	80
4	THPT Duy Tân	0401	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	240	0	240
		0402	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Vật lí, Công nghệ	120	0	120
5	THPT Trường Chinh	0501	Vật lí, Hoá học, Sinh học, Tin học	80	0	80
		0502	Vật lí, Công nghệ (Công nghiệp), Tin học, Địa lí	120	0	120
		0503	Hoá học, Công nghệ (Nông nghiệp), Địa lý, GD Kinh tế và pháp luật	120	0	120
6	THPT Ngô Mây	0601	Công nghệ Sinh (Định hướng Nông nghiệp), GDKT Pháp luật, Mĩ thuật, Âm nhạc	45	0	45
		0602	Hóa, Lý, Công nghệ Lý (Định hướng Công nghiệp), Tin học	90	0	90
		0603	Hóa, Sinh, Công nghệ Sinh (Định hướng nông nghiệp), Địa	90	0	90
7	THPT Trần Quốc Tuấn	0701	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	225	0	225
		0702	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Tin học, Công nghệ	180	0	180
8	THPT Nguyễn Du	0801	Vật lí, Hoá học, Sinh học, Tin học	80	0	80
		0802	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Sinh học	120	0	120
9	THPT Nguyễn Văn Cừ	0901	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin	92	0	92
		0902	Vật lí, Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Công Nghệ (CN)	96	0	96
		0903	Hóa học, Sinh học, Tin, Công Nghệ (NN)	92	0	92
10	THPT Nguyễn Trãi	1001	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	252	0	252
		1002	Vật lí, GD CD, Âm nhạc, Công nghệ (Định hướng công nghiệp)	126	0	126
		1003	Hóa học, Địa, Tin, Công nghệ (Định hướng nông nghiệp)	126	0	126
11	THPT Phan Chu Trinh	1101	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	40	0	40
		1102	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí	40	0	40
		1103	Vật lí, Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Tin học	40	0	40
		1104	Hóa học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ (CN)	40	0	40

TT	Tên trường	Mã nhóm môn (môn chuyên)	Các môn lựa chọn (môn chuyên)	Chỉ tiêu	Trong đó	
					Hưởng chế độ nội trú	Không hưởng chế độ nội trú
12	THPT Lương Thế Vinh	1201	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp trồng trọt	80	0	80
		1202	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	80	0	80
		1203	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Hóa học, Công nghệ nông nghiệp và trồng trọt	80	0	80
13	THPT Quang Trung	1301	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	85	0	85
		1302	Địa lí, Tin học, Vật lí, Công nghệ (Công nghiệp)	85	0	85
		1303	Địa lí, Giáo dục kinh tế PL, Hoá học, Công nghệ (Nông nghiệp)	85	0	85
14	THPT Chu Văn An	1401	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (Công nghiệp)	40	0	40
		1402	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Công nghệ (Nông nghiệp), Tin học.	80	0	80
15	THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	1501	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	36	0	36
		1502	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ	36	0	36
		1503	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Công nghệ, Tin học	36	0	36
		1504	Vật lí, Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc	36	0	36
		1505	Vật lí, Tin học, Mỹ thuật, Giáo dục kinh tế và Pháp luật (Định hướng năng khiếu TDTT chuyên sâu)	36	0	36
16	PT DTNT tỉnh	1601	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	35	35	0
		1602	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và Pháp luật	35	35	0
		1603	Vật lí, Sinh học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật	35	35	0
		1604	Địa lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ định hướng Công nghiệp	35	35	0
		1605	Địa lí, Hoá học, Tin học, Công nghệ định hướng Nông nghiệp	35	35	0
17	PT DTNT huyện Đăk Hà	1701	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	70	26	44
		1702	Địa lí, Giáo dục kinh tế - PL, Tin học, Âm nhạc	35	25	10
		1703	Địa lí, Giáo dục KT - PL, Công nghệ nông nghiệp, Âm nhạc	35	25	10
18	PT DTNT huyện Đăk Tô	1801	Vật lí, Hóa học, Tin học, Âm nhạc	35	22	13
		1802	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Mỹ thuật	35	22	13
		1803	Địa lí, Tin học, Công nghệ (định hướng công nghiệp), Giáo dục KT-PL	74	42	32
		1804	Địa lí, Sinh, Giáo dục KT-PL, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)	75	42	33
19	PT DTNT huyện Đăk Glei	1901	KHTN (Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học), chuyên đề Toán, Hóa, Lí	70	35	35
		1902	KHXH1 (Lý, Địa lí, GD kinh tế và pháp luật, Công nghệ KTCN, chuyên đề Văn, Toán, Địa lí	70	70	0
		1903	KHXH2 (Địa lí, GD pháp luật và Kinh tế, Lý, Công nghệ KTNN), chuyên đề: Văn, Toán, Địa lí	75	75	0
20	PT DTNT huyện Sa Thầy	2001	Lý, Hóa, Sinh, Tin; chuyên đề môn Lý, Hóa, Sinh.	35	32	3
		2002	Địa, Giáo dục KT & PL, Công nghệ (TT), Tin, chuyên đề môn Văn, Sử, Địa.	34	32	2
		2003	Công nghệ (TT), Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật; chuyên đề môn Công nghệ (TT), Âm nhạc, Mỹ thuật.	33	30	3
		2004	Công nghệ (CN), Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật; chuyên đề môn Công nghệ (CN), Âm nhạc, Mỹ thuật.	33	29	4
		2005	Địa, Giáo dục KT & PL, Công nghệ (CN), Tin; chuyên đề Văn, Sử, Địa.	34	32	2
21	PT DTNT huyện Kon Rẫy	2101	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ (Định hướng Công nghiệp)	38	29	9
		2102	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Tin học, Âm nhạc	38	28	10
		2103	Địa lí, Sinh học, Mỹ thuật, Công nghệ (Định hướng Nông nghiệp)	37	28	9

TT	Tên trường	Mã nhóm môn (môn chuyên)	Các môn lựa chọn (môn chuyên)	Chỉ tiêu	Trong đó	
					Hưởng chế độ nội trú	Không hưởng chế độ nội trú
22	PT DTNT THPT huyện Kon Plông	2201	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Thiết kế và Công nghệ	36	25	11
		2202	Hóa học, Sinh học, Công nghệ trồng trọt, Giáo dục kinh tế và pháp luật	80	50	30
		2203	Hóa học, Tin học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	80	50	30
		2204	Địa lí, Tin học, Vật lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	40	25	15
23	PT DTNT huyện Tu Mơ Rông	2301	Địa lí, Sinh học, Hóa học, Tin học	38	28	10
		2302	Địa lí, Sinh học, Tin học, Vật lí	76	56	20
		2303	Vật lí, Hóa học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ (Công nghiệp)	38	28	10
		2304	Hóa học, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc, Công nghệ (Nông nghiệp)	38	28	10
24	Phân hiệu trường PT DTNT tỉnh tại Ia H'Drai	2401	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Vật lí và Công nghệ nông nghiệp	70	32	38
		2402	Địa lí, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Sinh học, Tin học	35	16	19
		2403	Vật lí, Hóa học, Sinh học và Tin học	35	16	19
25	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	2601	Chuyên Toán	35	0	35
		2602	Chuyên Vật lí	35	0	35
		2603	Chuyên Hóa học	35	0	35
		2604	Chuyên Sinh học	35	0	35
		2605	Chuyên Tin học (Thi Tin học)	25	0	25
		2606	Chuyên Ngữ văn	35	0	35
		2607	Chuyên Lịch sử	35	0	35
		2608	Chuyên Địa lí	35	0	35
		2609	Chuyên Tiếng Anh	35	0	35
		2610	Chuyên Tin học (Thi Toán)	10	0	10
Tổng cộng				6081	1153	4928